

ĐẠI BÁT-NIỆT-BÀN KINH SỞ

QUYỂN 18

PHẨM PHẠM: HẠNH
(PHẦN 2- Tiếp Theo)

Hỏi: “Đệ Nhất nghĩa không” đâu thể nói là nghiệp, có báo?

Đáp: Đây là nhờ vào có để nói về không, nương vào không để nói về có, chẳng phải có chẳng phải không tức Đệ nhất nghĩa.

Nói về không không, có ba là khen ngợi, giải thích và kết luận.

Khen ngợi: Đây là chỗ mê lầm của phàm phu và Tiểu thừa.

Từ câu “Là có là không v.v...” trở xuống là giải thích.

Một, cho rằng có và không là hai môn, sau nói là đúng tức lặp lại. Lại nói chẳng phải tức hai câu là ở trên đều không. Hai, cho rằng câu trên nói hai cảnh có không đều không, câu dưới nói hai trí quyền thật đều không, là phải tức quyền trí, là chẳng phải tức thật trí.

Nay lập ba câu để hỏi: Một, là cảnh không gọi là không không? Hai, vì dùng không để không nơi trí gọi là không không? Ba, vì dùng không để không đối với pháp năng không là không không?

Nếu nói là vì cảnh không, trí không, thì đó còn là thiên lệch, chưa được gọi là viên tròn để không cái Tiểu không thì mới là không của Trung đạo viên chánh. Kinh Đại Phẩm nói: “Tất cả pháp đều là không, không này cũng không”. Có hai sự giải thích khác nhau: Một, là nói tất cả pháp không, không này chưa mâu nhiệm, nay lại dùng Không để nói không cái không này. Hai, là cho rằng chẳng phải như thế, vì trước nói tất cả pháp không đã là mâu nhiệm không rồi, sau nói không cũng là không tức chỉ cho pháp năng không cũng không.

Hà Tây đồng với cách giải thích trên. Nên nói: Hoặc cho rằng muôn pháp tuy không mà trí thể chẳng không, vì dùng phá mê hoặc tình chấp. Gọi là “không không” tức là có cũng không, là không cũng không. Câu sau muốn nói rằng: Cảnh chấp đã không thì trí đâu thể có riêng. Tâm chân ngộ, theo lý thì không có sự đồng chiếu soi mà nghĩa

ngăn trừ rất dễ hiểu. Về hữu lậu không và vô lậu không thì mọi người xem trọng vô lậu không, xem nhẹ hữu lậu không. Hai không này chỉ là một thể, đâu có nặng nhẹ? Muôn pháp đã tịch, trí thể lại không, mới chính là diệu không, chẳng phải cảnh giới Nhị thừa biết được.

Có người nói Đại không tức Bát-nhã không, tức vì sắc đại nên Bát-nhã đại. Thích Luận giải thích đại không có lý có sự. Về sự tức là phương đông không, cho đến mười phương không. Về lý tức Niết-bàn Đệ nhất nghĩa không. Kinh Đại Phẩm chỉ cho Niết-bàn, kinh Niết-bàn thì chỉ cho Bát-nhã, cả hai hiển bày lẫn nhau.

Nay y cứ theo ba Đế để giải mười một không, trong đó nội không là Chân đế không. Ngoại không tức là Tục đế không. Nội ngoại không tức chân tục không. Hữu vi không tức là sinh tử tục không. Vô vi không tức là Niết-bàn chân không. Vô tử không: Tướng ba đế chẳng thấy Nguyên Tổ, gọi là Vô tử không. Tánh không tức thể tánh của ba đế xưa nay tự không nên gọi là tánh không. Đệ nhất nghĩa không: Là chân tức trung, trung tức chân, không không tức một không tất cả không. Đại không: tức ba Đế đều không.

Văn sau cũng y cứ theo ba Đế mà khen ngợi. ba Đế tức nhau là nơi mà phàm phu và bậc Thánh Tiểu thừa mê lầm. Nói là có, là không tức đồng chiếu soi hai đế nên nói hai chữ là. Mỗi đế đều gồm đủ chân và trung, cho nên nói không không. Nói là phải, là chẳng phải, tức chỉ chiếu một đế, đầy đủ không giả, vì không nên nói là phải, vì giả nên nói là chẳng phải, tức là đầy đủ Trung đạo, nên nói là không không. Hoặc đồng chiếu soi hoặc đơn độc chiếu soi, hoặc ba, hoặc một, đều chẳng thể nghĩ bàn, đầy đủ chẳng thiếu, nên phàm phu và bậc Thánh Tiểu thừa chẳng thể biết được.

Từ câu “Này thiện nam! Bồ-tát, v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba, kết luận khen ngợi.

Từ câu “Nay ta v.v...” trở xuống là nói về lợi ích, có hai ý: một, là nói về môn ngộ nhập.

Thứ hai là từ câu “Trụ trong địa này, v.v...” trở xuống là nói về công năng.

Ý nói trước xa lìa, sau chứng đắc.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là phần thứ hai, nói rộng về tri kiến. Tri kiến xa rộng là do không tịch, cũng tức là vắng lặng mà chiếu soi.

Văn có bốn đoạn:

1. Nói về tri kiến

2. Nói về vô sở đắc
3. Hội thông
4. Kết luận khen ngợi.

Vì ngay nơi vắng lặng mà chiếu soi, nên nói về tri kiến; chiếu soi mà vắng lặng nên nói vô sở đắc; vì tánh không hai nên hội thông; pháp này nhiệm mầu nên phải khen ngợi. Văn thứ nhất lại có ba: Một, là biết mười ba pháp; hai, là được tám thứ tri kiến; ba, là được bốn trí vô ngại.

Nói hành tức là tâm, duyên tức là cảnh, tánh tức là nội, tướng tức là ngoại, thân là nhân, sơ là duyên.

Từ câu “Nếu biết v.v...” trở xuống là đoạn thứ hai, nói về tám điều thấy biết: một, là biết phi xứ; hai, là biết thị xứ; ba, là biết cộng hành; bốn, là biết nhân quả; năm, là biết chuyển chương; sáu, là biết Phật tánh; bảy, là biết hai đế; tám, là biết hai trí.

Biết là pháp của ngoại đạo, đó gọi là biết phi xứ.

Biết quả báo thiện ác là biết xứ.

Biết bốn đức như thường, vô thường, v.v... là biết cộng hành.

Cầu Đại thừa là biết nhân, đến bờ kia là biết quả.

Thân giới tâm tuệ là biết chuyển chương.

Chẳng biết chẳng thấy là biết chân, vừa thấy vừa biết là biết tục.

Tuệ thí v.v... là biết quyền, chẳng thấy vật bố thí v.v... là biết thật.

Từ câu “Ca-diếp bạch Phật v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói về bốn trí vô ngại, gồm có hỏi và đáp.

Đáp có ba: 1. Nêu môn; 2. Giải thích; 3. Phân biệt.

1. Như văn kinh đã nêu.

2. Giải thích có năm đoạn: 1/ Y cứ theo thế đế để giải thích. 2/ Y cứ theo xuất thế đế giải thích. 3/ Y cứ theo không chấp trước để giải thích. 4/ Theo dụ để giải thích. 5/ Theo nhân xưa để giải thích.

1. Như văn kinh ghi.

Nói pháp tức biết các pháp và tên gọi các pháp. Nghĩa là biết nghĩa ẩn trong pháp và tên gọi. Từ là âm giọng thanh nhã, phân biệt rõ ràng. Nhạo thuyết nghĩa là linh động biến hóa, vô cùng vô tận. Nói Tùy tự luận là xác định văn tự đó, khéo biết thể của văn tự. Chánh âm luận là đúng theo âm vận, từ ngữ rõ ràng chính xác. Xiển-đà: pháp cú luận cũng gọi là hợp thanh, như hợp thanh của Phạm báii. Hà Tây cho rằng đó chính là hợp thanh ca vịnh ở Trung Quốc, lại cho đó là pháp của ngoại đạo, chưa hẳn hoàn toàn như thế, đây là kệ thanh, nội đạo và ngoại đạo đều sử dụng.

2. Từ câu “Lại nói về pháp vô ngại v.v...” trở xuống là y cứ theo xuất thế để giải thích. Biết thừa tuy có ba mà nghĩa trở về một.

3. Y cứ theo không chấp trước để giải thích, gồm có giải thích và luận nghĩa. Có Sư cho rằng đây là y theo trừ chấp để giải thích. Nay theo ý vận hỏi tức y cứ theo chẳng chấp để giải thích.

4. Từ câu “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là nói về nghĩa, trước hỏi sau đáp.

Ý của ngài Ca-diếp hỏi là đã biết thì phải có chấp đấm.

Phật đáp vì chẳng chấp, cho nên biết.

Thứ tư là y cứ theo dụ để giải thích. Đầu tiên là nêu sáu dụ để giải thích pháp vô ngại, sau đó qua phần giải. Nói đất giữ gìn tất cả chúng sinh và chẳng phải chúng sinh, kinh Thắng Man ghi: “Mặt đất giữ gìn bốn gánh nặng là núi, biển, cỏ cây và chúng sinh”. Kinh kia nói rộng, còn kinh này nói lược. Núi giữ chặt đất, đất giữ vững núi, hai bên giữ gìn lẫn nhau.

Nói mắt hay giữ gìn ánh sáng có hai cách giải thích: Một, là Ưu-Lâu-ca chấp khi ánh mắt hợp với ý thì thấy được, và lấy đây để dụ. Hai, là cho rằng nhờ vào nghĩa bên ngoài, vì mắt có sắc của đại thanh tịnh, nên nhờ ánh sáng bên ngoài mà nhìn thấy được.

Từ câu “Này Thiện nam v.v...” trở xuống là đoạn thứ năm, y cứ theo nhân xưa để giải thích.

Từ câu “Thanh văn, Duyên giác v.v...” trở xuống là phần thứ ba, liệu giản, có hai: Thứ nhất là liệu giản, thứ hai là nói về nghĩa.

Thứ nhất lại có ba: Một nói về Nhị thừa vô, chẳng có bao gồm; hai là giải thích riêng; ba là tổng kết.

Đầu tiên như văn kinh, kể là giải thích riêng. Trước giải thích Duyên giác không có.

Thứ hai, giải thích Thanh văn không có bốn vô ngại.

Từ câu “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là phần giải thích nghĩa, trước hỏi sau đáp.

Lời đáp có ba: một là chánh đáp; hai là khai trừ quyền giáo khi xưa; ba hiển bày thật giáo hôm nay. Như văn kinh.

Từ câu “Ca-diếp v.v...” trở xuống là phần thứ hai, nói về tri kiến vô sở đắc. Có ba ý: Một, là nói về vô sở đắc. Hai, là dẫn kệ chứng minh. Ba, là vô đắc mà đắc. Thứ nhất lại có ba: Một, là hỏi; hai, là đáp; ba, là lãnh giải. Lời hỏi lại có ba: Một, là nêu văn trước.

Văn trước đã cách xa nên nhắc lại.

Kế là từ câu “Thấy biết v.v...” trở xuống là chánh thức hỏi.

Thứ ba, từ câu “Vì sao v.v...” trở xuống là kết luận lời hỏi.

Đức Phật đáp có hai ý: Một, là khen câu hỏi.

Kế là chánh đáp, có hai: Một, là chánh đáp; hai, là kết luận về chánh, phân biệt với tà.

Phần chánh đáp trên đã nêu mười cặp. Nói đắc và vô đắc đối đãi nhau. Đắc chẳng phải là đắc của vô đắc, còn vô chẳng phải là vô của tích diệt, mà là vô của thể đạt. Mười cặp là: Đắc vô đắc, đảo vô đảo, trí tuệ vô minh, Niết-bàn các hữu, đại thừa Tiểu thừa, Phương Đăng Ba tạng, chân không sinh tử, thường vô thường, chân không năm kiến, Bồ-đề Nhị thừa.

Từ câu “Lời ông hỏi v.v...” trở xuống là kết luận, như văn kinh có ghi.

Đại phẩm nói rằng: Các pháp có hai là hữu sở đắc, các pháp không hai là vô sở đắc.

Từ câu “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là phần ba thọ lãnh tin hiểu. Có hai ý là lãnh giải và có lợi ích.

Kế là dẫn kệ chứng minh. Ở trên Như Lai đã nói ở đây chính là Song thọ, vì sao lại chỉ song thọ? Đáp rằng đó chính là theo ngữ pháp, chứ chưa hẳn có nơi khác mà chỉ cho song thọ này. Vì thấy nghe khác nhau, thì đâu có nơi chốn nhất định. Nếu có nơi khác thì chỉ cho đây cũng đâu có ngại gì.

Bài kệ này là lần thứ hai giải thích đắc vô đắc. Văn có hai: một, là nêu bài kệ thưa hỏi; hai, là giải thích bài kệ làm lời đáp.

Lời đáp có ba: Một, là giải thích riêng; hai, là giải thích chung; ba, là chánh giải thích.

Trong phần giải thích, trước là khuyên bảo, sau là chánh đáp.

Phần đáp có tám phần, sáu phần trước là chánh thức giải thích; Hai phần sau nói về thật chẳng nói.

Mỗi phần, đầu tiên đều phải giải thích nửa bài kệ trên, vả lại đối chiếu với nửa dưới để giải thích nửa trên. Xưa giải thích bài kệ rằng: “Nói xưa có phiền não, không được nói là của hôm nay. Vì sao? Vì hôm nay có Niết-bàn, nếu Trời, Ma, Phạm nói Như Lai có phiền não thì thật chẳng đúng. Đó chính là quả Phật hôm nay không thuộc ba đời”. Nếu giải thích văn này như thế thì có thể tạm được, nhưng chẳng thể dứt trừ được sự vắn hỏi của người khác, chỉ vì không có ngày xưa đều vô thường, sau đó mới là thường. Đó là xưa không nay có mới dứt được nghi.

Hưng Hoàng cho rằng: Xưa không nay có đều là tùy duyên. Xưa

có phiền não, chẳng có mà nói có. Nay không có Niết-bàn, chẳng phải không mà nói không. Nếu trời, ma, Phạm hiểu được nghĩa này mà còn nói Như Lai có phiền não thì thật chẳng đúng. Như thế thì vừa dứt được sự gạn hỏi, vừa giải thích được văn, hai đường đều toàn vẹn.

Nay cho rằng đó chỉ cho lời đáp chung, nếu giải thích riêng văn thì chưa được, vả lại ý của bài kệ này là vì hóa độ chúng sinh. Chúng sinh chỉ thấy thiện ác, nên cho rằng xưa có ác, nay có thiện. Còn Nhị thừa thì sự thấy biết về chân tục khác nhau. Bồ-tát thì thấy biết ba Đế khác nhau. Ngài Văn-thù thì thấy biết ba Đế tức nhau. Đó cũng là giải thích theo bốn môn, bốn Tất-đàn, đâu chỉ lập một cách giải thích như các sư ở trên.

Nói thêm rằng: Như Lai lập tám lớp giải thích, ý muốn dùng tám lớp này làm khuôn mẫu, nên biết ý nghĩa cùng khắp tất cả pháp. Nếu các sư, mỗi vị lập một kiến giải riêng, thì sao Đức Phật lại chẳng lập một cách giải thích. Lại muốn chấp nhận mỗi sư đều đúng. Nếu muốn bác bỏ, dù cho các lời giải thích đâu hợp ý Phật, sơ lược như bốn Tất-đàn của Đại sư Chương An đều đúng thì tám phần đều đúng. Vả lại, giải thích chung thì lấy chung bao trùm riêng mới hợp được ý Phật. Bốn Tất-đàn và bốn môn như trước đã giải thích.

Từ câu “Như Lai v.v...” trở xuống là thứ hai, giải thích chung.

Tất cả đều có khả năng thành tựu ý trước, nên nói có mà chẳng phải có, nói không mà chẳng phải không. Tất cả đều vì lợi ích không nhất định chỉ thuận theo căn cơ và cõi nước tương trạng khác nhau nên nói khinh trọng, phạm chẳng phạm khác nhau.

Từ câu “Tất cả thế đế v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba, tổng kết.

Tất cả đều cho sinh tử là Thế đế, Niết-bàn là Đế nhất nghĩa, có lúc Thế đế mà cho là Đế nhất nghĩa; hoặc nói các pháp vắng lặng tức sinh tử mà cho là Đế nhất nghĩa; hoặc nói diệu hữu thường trụ là Đế nhất nghĩa mà mọi người cho là sinh tử. Như Lai nói không là muốn nêu rõ chẳng phải không; nói có là muốn nêu rõ chẳng phải có mà chúng sinh đều khởi thấy biết là có không.

Từ câu “Vì thế, v.v...” trở xuống là thứ ba, nói về vô đắc mà đắc. Có ba đoạn: Một, là nêu lên; hai, là hỏi; ba, là trả lời. Thứ nhất như văn kinh ghi.

Kế là trong phần hỏi có hai là hỏi và gạn hỏi. Thứ nhất là hỏi, nếu có đắc lẽ ra là vô thường, gồm có pháp, dụ và hợp.

“Hễ nói đạo v.v...” trở xuống là thứ hai, vặn hỏi nếu thường thì không có đắc.

Thứ ba là Đức Phật đáp, có hai là đáp câu hỏi trước và đáp câu hỏi sau. Văn thứ nhất, trước là nói chung.

Đạo có hai loại, đạo thường tuy có đặc mà chẳng phải vô thường.

Từ câu “Đạo và Bồ-đề đều gọi là thường, v.v...” trở xuống là chánh đáp.

Nay nói đạo nhất định là viên thường, xưa nay thường có, nhưng bị các hoặc che lấp, dứt trừ thì trở lại nghĩa xưa. Nói có đặc nhưng đặc mà là thường.

Từ câu “Này thiện nam! Đạo tuy không phải sắc tượng, v.v...” trở xuống là trả lời câu hỏi ở sau, có pháp, dụ và hợp. Thứ nhất là pháp thuyết.

Từ câu “Như tâm chúng sinh v.v...” trở xuống là phần dụ thuyết. Nhưng thật là thường, người nào tu tập thì được, chẳng tu thì chẳng được.

Từ câu “Thấy có hai loại v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba hội thông các văn. Có ba: một, là hội thông; hai, là nói về nghĩa; ba, là nói hội thông, tức hội các văn có thể thấy biết. Ở trước đều có tự và chân, tự là tướng mạo, liễu liễu tức chân. Chân lại có hai: một, là Bồ-tát liễu liễu; hai, là Như Lai liễu liễu. Từ đây đến hết quyển là hai chương hội thông, như văn ghi.
